

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 241. /QĐ-NK TDTT

Quận 1, ngày 09 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 (lần 5)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2608/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh về việc giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2022 (điều chỉnh lần 4);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 (lần 5) (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, được niêm yết tại bản tin của nhà trường.

Điều 3. Trường các bộ phận có liên quan, toàn thể CB-GV-NV của trường tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Yến Phương

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THPT Năng Khiếu TDTT
Chương: 422-074

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC LẦN 5

(Kèm theo Quyết định số 14.1 /QĐ-NK TDTT ngày 09 / 11/2022, của trường THPT Năng Khiếu TDTT)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	0
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
	Học phí chính quy	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
	Học phí chính quy	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	733.844
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	733.844
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	733.844
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	

Ngày 09 tháng 11 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Yến Phương



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2608/QĐ-SGDĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 (điều chỉnh lần 4)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách Thành phố năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 (điều chỉnh lần 4) cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2022 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính và Trưởng phòng liên quan thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN TP.HCM;
- KBNN nơi giao dịch;
- Lưu: VT, KHTC.



Nguyễn Văn Hiếu

116

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Mẫu biểu số 48

Chương 422 - Loại 070 - Khoản 074



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022
(ĐIỀU CHỈNH LẦN 4)

Đơn vị: TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU THỂ DỤC THỂ THAO (MS: 1035599)

Mã KBNN nơi giao dịch: KHO BẠC QUẬN 1 (MS: 0133)

*(Kèm theo Quyết định số 2608/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 10 năm 2022
của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)*

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐÃ PHÂN BỐ	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG LẦN NÀY	TỔNG SỐ
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0		0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.724.358	733.844	5.458.202
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	4.724.358	733.844	5.458.202
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0		0
1.1	Chi từ ngân sách thành phố	0		0
	<i>Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện CCTL</i>	0		0
1.2	Chi từ nguồn cải cách tiền lương	0		0
	<i>Nguồn CCTL ngân sách thành phố</i>	0		0
	<i>Nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang</i>	0		0
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.724.358	733.844	5.458.202
2.1	Chi từ ngân sách thành phố	3.723.670	0	3.723.670
	<i>Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện CCTL</i>	<i>Chưa tính</i>		<i>Chưa tính</i>
2.2	Chi từ nguồn cải cách tiền lương	1.000.688	733.844	1.734.532
	<i>Nguồn CCTL ngân sách thành phố</i>	1.000.688	733.844	1.734.532
	<i>Nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang</i>	0	0	0

Ghi chú:

1. Đơn vị chịu trách nhiệm trích lập nguồn CCTL từ số thu được để lại theo quy định.
2. Kinh phí chi lương và các khoản chi phí hoạt động được bố trí trong kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên từ nguồn ngân sách thành phố (cho đến khi phương án tự chủ tài chính của đơn vị được phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập).
3. Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên được sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách thành phố và từ nguồn cải cách tiền lương của đơn vị năm trước chuyển sang, chỉ được dùng để chi trả kinh phí tính giản biên chế (nếu có) theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ, Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố và chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 03 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố, **không được chi cho nội dung khác**. Trường hợp sau khi sử dụng các nội dung nêu trên còn thừa, đơn vị được tiếp tục quản lý và sử dụng để đảm bảo nhu cầu chi trả kinh phí tính giản biên chế và chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định.
4. Kinh phí miễn giảm học phí bao gồm:
 - Cấp bù tiền tổ chức học 2 buổi/ngày: 0 nghìn đồng.
 - Hỗ trợ chi phí học tập: 0 nghìn đồng.
5. Chi tiết kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên của đơn vị:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐÃ PHÂN BỐ	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG LẦN NÀY	TỔNG SỐ
1	Chi lương và các khoản chi phí hoạt động	2.852.000	0	2.852.000
2	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	128.635	0	128.635
3	Kinh phí vùng sâu	0	0	0
4	Hỗ trợ cán bộ, viên chức y tế	0	0	0
5	Phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy người khuyết tật	11.665	0	11.665
6	Kinh phí sinh hoạt hè	19.600	0	19.600
7	Kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND	223.770	0	223.770
8	Kinh phí sửa chữa	488.000	0	488.000
9	Kinh phí miễn giảm học phí	0	0	0
10	Hỗ trợ kinh phí cho đơn vị có bậc THCS theo NQ số 17/2021/NQ-HĐND	0	0	0
11	Kinh phí trợ cấp thôi việc	0	0	0
12	Kinh phí ngoài định mức trường chuyên	0	0	0
13	Chi thu nhập tăng thêm theo NQ số 03/2018/NQ-HĐND và chi trả kinh phí tính giản biên chế	1.000.688	733.844	1.734.532

Lưu ý:

Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định nội dung dự toán theo nhu cầu của đơn vị, giá trị dự toán nêu trên chỉ dùng làm cơ sở bố trí nguồn kinh phí thực hiện, đơn vị chịu trách nhiệm về số liệu quyết toán thực tế theo đúng quy định.